

Bản án số: 18/2023/HS-PT
Ngày: 24-3-2023

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Tại điểm cầu trung tâm Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Thảo

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Thư

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Như Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tham gia phiên Tòa:
Ông Bùi Văn Thi - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 113/2022/HSPT ngày 04 tháng 11 năm 2022 đối với bị cáo Phạm Ngọc H.

Do có kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

- Bị cáo có kháng cáo:

Phạm Ngọc H, sinh ngày 03/02/1971 tại Hải Dương; HKTT: Ấp T, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước; nơi cư trú: Ấp Th, xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Ngọc K, sinh năm 1929 (chết) và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1935 (chết); vợ là Nguyễn Thị L1, sinh năm: 1980. Bị cáo 01 người con, sinh năm 2001; tiền án, tiền sự : Không. Bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào năm 1998, Phạm Ngọc H được phân công về làm giáo viên của Trường Tiểu học L, đến ngày 21/9/2010 được bầu giữ chức Chủ tịch Công đoàn cơ sở trường tiểu học L qua các nhiệm kỳ 2010 - 2013; nhiệm kỳ 2012 – 2015 (nhiệm kỳ này được kéo dài thêm hai năm đến 2017) và nhiệm kỳ 2016 – 2021. Trong quá trình giữ chức vụ Chủ tịch Công đoàn, H là người trực tiếp giữ quỹ công đoàn và quản lý thu, chi, trực tiếp lập hồ sơ quyết toán kinh phí công đoàn. Đến thời điểm quyết toán kinh phí công đoàn quý 4/2011 thì H nảy sinh ý định chiếm đoạt tiền công đoàn để tiêu xài cá nhân. H đã cố ý lập khống hồ sơ quyết toán, yêu cầu ghi khống mua thêm số lượng hàng hóa vào các hóa đơn mua hàng, tự ý ký vào danh sách nhận tiền, quyết toán vượt số tiền nhận của các công đoàn viên để chiếm đoạt tiền quỹ công đoàn cụ thể:

- Quý 4/2011: Ngày 13/12/2011 lập chứng từ (Phiếu chi và hóa đơn mua hàng GTGT số 0046755) mua văn phòng phẩm ở bách hóa tổng hợp Chí Tâm người bán hàng là bà Lâm Thị Ng (khu phố P–TT N) đã ghi khống mua thêm 09 cuốn sổ da A4 với giá 40.000 đồng /một cuốn trị giá là 360.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 360.000 đồng.

- Quý 1/2012: Ngày 30/3/2012, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập khống việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 380.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 330.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 710.000 đồng

- Quý 2,3/2012: Ngày 30/9/2012, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập khống việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 835.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 715.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 1.650.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 1,2,3/2012: 2.360.000 đồng.

- Quý 4/2012 + Quý 1, 2/2013

+ Ngày 31/12/2012, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập khống việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 500.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 450.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 950.000 đồng

+ Ngày 30/3/2013 lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập khống việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 541.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 478.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.019.000 đồng

+ Ngày 30/6/2013 lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập khống việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 300.000 đồng, chi

phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 271.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 571.000 đồng

Số tiền chiếm đoạt quý 4/2012, quý 1, 2/2013 là: 2.540.000 đồng.

- Quý 3, 4/2013: Ngày 30/9/2013, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 706.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 638.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.344.000 đồng.

Ngày 31/12/2013, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 474.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 421.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 895.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 3, 4/2013 là: 2.239.000 đồng.

- Quý 1, 2/2014: Ngày 23/3/2014 lập chứng từ (Phiếu chi và hóa đơn mua hàng GTGT số 0042989) mua văn phòng phẩm ở bách hóa tổng hợp Chí Tâm người bán hàng là bà Lâm Thị Ng đã ghi không mua thêm: 03 cuốn sổ da A4 với giá 65.000 đồng/một cuốn trị giá là 195.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 260.000 đồng.

Ngày 18/6/2014 lập chứng từ (Phiếu chi và hóa đơn mua hàng GTGT số 0003351) mua văn phòng phẩm ở bách hóa tổng hợp Chí Tâm người bán hàng là bà Lâm Thị Ng đã ghi không mua thêm vào hóa đơn: bìa sơ mi dây với giá 120.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 120.000 đồng

Ngày 30/3/2014, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp quý 1. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 657.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 577.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.234.000 đồng

Ngày 20/6/2014, lập phiếu chi và ngày 22/6/2014 lập bảng thanh toán phụ cấp quý 2. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 710.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 551.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.261.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 1,2/2014 là: 2.875.000 đồng

- Quý 3,4/2014: Ngày 30/9/2014, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp quý 3. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 696.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 637.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.333.000 đồng

Ngày 31/12/2014, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp quý 4. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 674.000 đồng,

chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 615.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.289.000 đồng.

Ngày 29/10/2014, lập phiếu chi và ngày 01/12/2012 lập danh sách hỗ trợ tập luyện thi đấu bóng chuyền vòng hai 480.000 đồng. Tuy nhiên khi làm bảng quyết toán chi thì H cố ý ghi: 600.000 đồng để chiếm đoạt số tiền quyết toán vượt là: 120.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 3, 4/2014 là: 2.742.000 đồng

- Quý 1,2/2015: Ngày 30/6/2015, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 1.357.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 1.152.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 2.509.000 đồng.

Ngày 11/5/2015, lập không phiếu chi tiền hỗ trợ công đoàn viên đi tham quan du lịch số tiền 7.000.000 đồng, cụ thể H mua một hóa đơn giá trị gia tăng số hóa đơn 0002307 (đơn vị bán hàng Nhà khách Duy Tân - Bộ tư lệnh Quân khu 4): tiền phòng ngủ 7.000.000 đồng để chiếm đoạt số tiền: 7.000.000 đồng

Số tiền chiếm đoạt quý 1, 2/2015: 9.509.000 đồng

- Quý 3,4/2015: Ngày 30/12/2015, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 1.322.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 1.322.000 đồng, chiếm đoạt: 2.644.000 đồng.

Ngày 12/10/2015, lập chứng từ (Phiếu chi và hóa đơn mua hàng GTGT số 0018192) mua văn phòng phẩm ở bách hóa tổng hợp Chí Tâm người bán hàng là bà Lâm Thị Ng đã ghi không mua thêm vào hóa đơn: 10 cuốn sổ da A4 với giá 50.000đ (năm mươi ngàn đồng)/ một cuốn trị giá là 500.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 500.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 3.4/2015: 3.144.000 đồng

- Quý 1, 2/2016: Ngày 30/3/2016, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp quý 1. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 668.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 668.000 đồng. Ngày 30/6/2016, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp quý 2. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 772.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 690.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 2.798.000 đồng.

Ngày 25/6/2016 lập chứng từ (Phiếu chi và hóa đơn mua hàng GTGT số 0046680) mua văn phòng phẩm ở bách hóa tổng hợp Chí Tâm người bán hàng là

bà Lâm Thị Ng đã ghi không mua thêm vào hóa đơn: 4 gam giấy in A4 với giá 70.000 đồng/một gam trị giá là 280.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 280.000 đồng.

Ngày 10/5/2016, lập danh sách nhận tiền hỗ trợ hỗ trợ công đoàn viên tham dự tháng công nhân tại Tà Thiết: 600.000 đồng nhưng khi lập hồ sơ quyết toán đã cố ý lập phiếu chi ngày 14/5/2016 số tiền: 1.200.000 đồng để chiếm đoạt: 600.000 đồng

Số tiền chiếm đoạt quý 1, 2/2016: 3.658.000 đồng

- Quý 3, 4/2016: Ngày 30/9/2016, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp quý 3. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 839.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 758.000 đồng. Ngày 30/12/2016, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp quý 4. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 806.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ bà Vũ Thị L1: 802.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 3.205.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 3, 4/2016 là: 3.205.000 đồng

- Quý 1,2/2017: Ngày 30/3/2017, lập phiếu chi và bảng thanh toán tiền phụ cấp quý 1. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 754.000 đồng, chi phụ cấp cho kế toán bà Vũ Thị L1: 668.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.422.000 đồng.

Ngày 30/6/2017, lập phiếu chi và ngày 30/5/2017 lập bảng thanh toán phụ cấp quý 2. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 812.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ bà Vũ Thị L1: 738.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 1.550.000 đồng

Ngày 26/3/2017, lập không chứng từ (Phiếu chi) mua văn phòng phẩm trị giá là 150.000đ (một trăm năm mươi ngàn đồng), không có hóa đơn mua hàng, chiếm đoạt: 150.000 đồng

Ngày 25/6/2017, lập không phiếu chi và giấy biên nhận ngày 25/6/2017 về hỗ trợ công đoàn viên du lịch số tiền: 6.700.000 đồng, cụ thể H đã mua hóa đơn số 0001202 ngày 23/8/2017 của Công ty TNHH PVũng Tàu để chiếm đoạt số tiền: 6.700.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 1, 2/2017 là: 9.832.000 đồng

- Quý 3,4/2017: Ngày 30/12/2017, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 1.100.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 960.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 2.060.000 đồng

Số tiền chiếm đoạt quý 3, 4/2017 là: 2.060.000 đồng.

- Quý 1,2/2018: Ngày 30/6/2018, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 1.092.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 936.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 2.028.000 đồng.

Ngày 26/3/2018, lập không phiếu chi và danh sách nhận tiền hỗ trợ số tiền 560.000 đồng. Thực tế, không tổ chức kết nạp công đoàn viên mới mà do H tự lập phiếu chi, rồi đưa cho bà Nguyễn Thị L1 và Trần Vũ Tường V ký thủ quỹ, kế toán, tự lập danh sách nhận tiền, tự ký trong danh sách để chiếm đoạt: 560.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 1,2/2018 là: 2.588.000 đồng

- Quý 3,4/2018: Ngày 30/12/2018, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 1.167.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 1.000.000 đồng, chiếm đoạt: 2.167.000 đồng.

Số tiền chiếm đoạt quý 3, 4/2018 là: 2.167.000 đồng.

- Quý 1,2/2019: Ngày 20/6/2019, lập phiếu chi và ngày 25/6/2019 lập bảng thanh toán phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 1.167.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 1.000.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 2.167.000 đồng.

Ngày 30/3/2019, lập danh sách nhận tiền mua quà tặng sinh nhật công đoàn viên quý 1/2019 cho 12 công đoàn viên số tiền: 200.000 đồng/1 công đoàn viên số tiền: 2.400.000 đồng nhưng có ý ghi tổng số tiền trong danh sách và phiếu chi tiền số tiền: 2.600.000 đồng để chiếm đoạt: 200.000 đồng

Ngày 05/7/2019, lập phiếu chi hỗ trợ công đoàn viên tham quan du lịch hè Vũng Tàu và danh sách nhận tiền số tiền: 4.000.000 đồng. Thực tế không đi du lịch Vũng Tàu mà đi du khảo về nguồn tại Tà Thiết cùng cụm thi đua của Công đoàn ngành giáo dục và có đóng số tiền cho cô Nguyễn Thị Ánh T – giáo viên trường tiểu học thị trấn N B là cụm trưởng cụm thi đua với số tiền: 1.500.000 đồng cho 10 giáo viên tham gia và 300.000 đồng tiền ủng hộ Covid – 19. Sau đó H hợp thức hóa bằng phiếu chi và danh sách nhận tiền đi du lịch hè tiền: 4.000.000 đồng cho 40 giáo viên và đưa danh sách cho các giáo viên ký nhận. H sử dụng 1.800.000 đồng để chi cho việc nộp cho cô T, còn lại 2.200.000 đồng H chiếm đoạt sử dụng vào mục đích cá nhân.

Số tiền chiếm đoạt quý 1,2/2019: 4.567.000 đồng

- Quý 3,4/2019: Ngày 24/12/2019, lập phiếu chi và ngày 25/12/2019 lập bảng thanh toán phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà

Trần Vũ Tường V): 1.251.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 1.072.000 đồng, chiếm đoạt số tiền: 2.323.000 đồng

Số tiền chiếm đoạt quý 3, 4/2019 là: 2.323.000 đồng.

- Quý 1,2/2020: Ngày 20/6/2020, lập phiếu chi và bảng thanh toán phụ cấp. Trong đó lập không việc chi phụ cấp cho kế toán (bà Trần Vũ Tường V): 1.251.000 đồng, chi phụ cấp cho thủ quỹ (bà Nguyễn Thị L1): 1.072.000 đồng, chiếm đoạt số tiền là: 2.323.000 đồng.

Ngày 16/01/2020: Lập chứng từ là phiếu chi ngày 16/01/2020 và hóa đơn bán lẻ không số ngày 10/01/2020 ghi không mua thêm giấy in số tiền 140.000 đồng của tiệm sách báo Chí Tâm (ấp 2 - thị trấn N) chiếm đoạt số tiền là: 140.000 đồng

Số tiền chiếm đoạt quý 1,2/2020 là: 2.523.000 đồng

Như vậy, số tiền phụ cấp mà H chiếm đoạt là: 39.352.000 đồng (Trần Vũ Tường V là: 20.831.000 đồng; bà Nguyễn Thị L1 là: 16.313.000 đồng; bà Vũ Thị L1 là: 2.208.000 đồng); số tiền chiếm đoạt mua văn phòng phẩm là: 1.745.000 đồng; số tiền chiếm đoạt chi hỗ trợ du lịch: 15.900.000 đồng, số tiền chiếm đoạt của công đoàn viên nhận hỗ trợ tiền nước uống dự lễ kết nạp công đoàn viên năm 2018: 560.000 đồng; số tiền chiếm đoạt do vượt so với hồ sơ quyết toán: 920.000 đồng. Tổng số tiền H chiếm đoạt là: **58.477.000 đồng.**

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước đã tuyên xử:

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b,s khoản 1,2 Điều 51, Điều 54, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 03 (ba) năm tù. Thời gian tính tù từ ngày bị cáo đi chấp hành án

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 26/9/2022 bị cáo Phạm Ngọc H kháng cáo xin được hưởng án treo

Tại phiên tòa:

Bị cáo thay đổi yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước phát biểu: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc H, không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước xử phạt bị cáo mức án từ 02 năm đến 02 năm 6 tháng tù.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Đơn kháng cáo của bị cáo Phạm Ngọc H được thực hiện trong thời hạn luật định, có hình thức và nội dung phù hợp với quy định tại các điều 331, 332 và 333 Bộ luật Tố tụng hình sự nên đủ điều kiện giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2]. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm nhận định. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, Ng vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ đã thu thập có tại hồ sơ vụ án và được xét hỏi công khai tại phiên tòa. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm có đủ cơ sở kết luận Tòa án cấp sơ thẩm tuyên bố bị cáo phạm tội “*Tham ô tài sản*” quy định tại khoản 2 điều 353 Bộ luật hình sự là có căn cứ, phù hợp, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và được hưởng án treo của bị cáo Phạm Ngọc H thấy rằng:

Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo tự nguyện nộp toàn bộ số tiền để khắc phục hậu quả; trong quá trình công tác tại trường tiểu học L bị cáo đều hoàn thành tốt nhiệm vụ và được tặng nhiều giấy khen, hình thức thi đua là chiến sỹ thi đua cơ sở; bị cáo đang bị bệnh nặng suy tim độ 3, thận mãn, bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo còn có một số tình tiết giảm nhẹ khác mà cấp sơ thẩm chưa nhận định và áp dụng. Đó là tập thể **công viên chức** của Trường tiểu học L có đơn kiến nghị xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Ngoài ra, trong giai đoạn phúc thẩm bị cáo còn cung cấp thêm tài liệu để chứng minh bị cáo có quá trình tham gia chiến đấu tại Trung đoàn 26- thuộc Bộ tư lệnh phòng không không quân, hiện bị cáo còn là hội viên hội cựu chiến binh xã L, huyện N, tỉnh Bình Phước. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017 cần xem xét áp dụng thêm đối với bị cáo.

Xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có quá trình hoạt động bản thân tốt; vì vậy, kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo được Hội đồng xét xử chấp nhận chấp nhận. Do bị cáo phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng và phạm tội nhiều lần nên kháng cáo xin được hưởng án treo của bị cáo không được chấp nhận.

[4]. Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5]. Án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận một phần nên bị cáo không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[6]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;
Chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Phạm Ngọc H
Không chấp nhận kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Phạm Ngọc H

Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 59/2022/HS-ST ngày 21/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Bình Phước.

Tuyên bố bị cáo Phạm Ngọc H phạm tội “*Tham ô tài sản*”.

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 353, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54, 38 của Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi bổ sung năm 2017. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc H 02 (hai) năm tù. Thời gian tính tù từ ngày bị cáo đi chấp hành án.

Án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Phạm Ngọc H không phải nộp.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Phước; (1)
- PV 06 CA tỉnh Bình Phước; (1)
- TAND, VKSND huyện N;(4)
- Chi cục THADS huyện N;(1)
- Công an huyện N;(1)
- CQĐT Công an huyện N (1)
- Cơ quan THAHS huyện N (1)
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Phước;(1)
- Bị cáo;(1)
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu: hồ sơ vụ án (2); Tổ HCTP.(1)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Thanh Thảo
(đã ký)**